TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:22/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2025
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lạc.

2. Ông Nguyễn Huỳnh Hải.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Bích H, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Tây Ninh *(có mặt)*.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trung N, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Tây Ninh (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2025 và tại phiên toà nguyên đơn chị Lâm Thị Bích H trình bày:

1. Về hôn nhân: Có tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Trung N, có tổ chức lễ cưới, đến ngày 11/12/2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An (nay là xã K, tỉnh Tây Ninh). Thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến giữa năm 2021 phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, cho đến tháng 3 năm 2025 thì anh N đi làm ở Bình Dương, 1 tuần hoặc 10 ngày thì anh N về nhưng không quan tâm đến vợ và các con.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong đời sống hàng ngày, sống

không hợp nhau nên chị H và anh N đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3 năm 2025 cho đến nay.

Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Trung N.

2. Về con chung: Chị H khai, trong quá trình chung sống với anh N, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trung H1, sinh ngày 26/4/2013; giới tính: Nam và Nguyễn Anh T, sinh ngày 21/01/2015; giới tính: Nữ. Nay chị H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Trung N được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Chị Lâm Thị Bích H khởi kiện anh Nguyễn Trung N về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát khu vực 9, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa.

+ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định; của Thư ký phiên tòa đúng quy định; của nguyên đơn là đúng quy định; của bị đơn chưa chấp hành.

+ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Vợ chồng chị H và anh N có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay chị H nhận thấy mối quan hệ giữa chị và anh N nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu của chị H về việc ly hôn với anh N là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Chị H yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Trung H1, sinh ngày: 26/4/2013, giới tính: Nam và Nguyễn Anh T, sinh ngày: 21/01/2015, giới tính: Nữ là có cơ sở chấp nhận vì: Hiện nay cháu H1 và cháu T do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo về vật chất lẫn tinh thần, hơn nữa cháu H1 và cháu T có nguyện vọng được sống chung với mẹ để mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do đó, yêu cầu của chị H có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nên Tòa án giải quyết vắng mặt anh N là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố

tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015căn cứ các Điều 56 khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng thủ tục tố tụng và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Trung N được triệu tập hợp lệ, nhưng anh N vắng mặt không vì trở ngại khách quan hay vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo thủ tục tục chung.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng. Chị H khai do đời sống chung không hợp nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn làm mất đi tình nghĩa vợ chồng, giữa chị H và anh N đã xảy ra mâu thuẫn từ giữa năm 2021 và ngày càng trầm trọng. Đến tháng 3 năm 2025 thì anh N đi làm, không còn quan tâm đến vợ và các con, giữa chị H2 và anh N đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 03 năm 2025. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H với anh N không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chị H được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Trung H1, sinh ngày 26/4/2013; giới tính: Nam và Nguyễn Anh T, sinh ngày 21/01/2015; giới tính: Nữ. Do anh N không đến Tòa án, không ghi nhận được ý kiến của anh N. Đồng thời, cháu H1, cháu T đều có nguyện vọng được sống với chị H, để đảm bảo ổn định tinh thần và đều kiện nuôi dưỡng, cần giao cháu H1, cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lâm Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Bích H được ly hôn với anh Nguyễn Trung N.

2. Về con chung:

Anh Nguyễn Trung N có nghĩa vụ giao con Nguyễn Trung H1, sinh ngày 26/4/2013; giới tính: Nam và Nguyễn Anh T, sinh ngày 21/01/2015; giới tính: Nữ cho chị Lâm Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh N không trực tiếp nuôi dưỡng con, nhưng anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản anh N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 00022772 ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh T; Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Trung N không phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/ Khu vực 9;
- Thi hành án dân sự tỉnh/ Khu vực 9;
- Các đ/s;
- UBND xã Khánh Hưng;
- Lưu hồ sơ; lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Hựu